TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01-9-2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Khắc Thế
2. Ông Trần Đức Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Mai Đức T, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Mai Thị N, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Mai Đức T trình bày:

Anh T và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có xích mích về những chuyện nhỏ nhặt nhưng vào tháng 9 năm 2015 chị N tự ý bỏ đi, gia đình cũng như người thân không ai liên lạc được hay biết tin tức gì về chị N, anh T cũng đã tiến hành thông báo tìm kiếm chị N nhưng đến nay vẫn không biết chị N đang ở đâu, làm gì. Nay anh T thấy mục đích

hôn nhân giữa anh và chị N không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Mai Tiến D, sinh ngày 31/01/2010. Từ khi chị N bỏ đi đến nay, con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên anh T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Mai Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến của chị N.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con có bị đơn trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Mai Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Anh T và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 23/11/2009, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tuy giữa anh T và chị N không xảy ra mâu thuẫn lớn khiến tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, nhưng chị N đã tự ý bỏ nhà đi mà không được sự thống nhất của anh T nên chị N đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, từ đó làm mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, vì hiện nay chị N đi đâu không rõ và trong thời gian qua anh vẫn đảm bảo tốt các quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung. Xét đề nghị trên của anh T phù hợp với thực tế hiện nay, không trái quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị

của anh T. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Mai Đức T được ly hôn với chị Mai Thị N.

2. Về con chung:

Giao cháu Mai Tiến D – sinh ngày 31/01/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 000xxxx ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 01/9/2017; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã G;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt